

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025), giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx, đăng ký thường trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Đ (nay là Khu dân cư Đ), xã H (nay là phường H), huyện A (nay là quận A), thành phố Hải Phòng, có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Trương Văn H, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, địa chỉ: Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trương Văn H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng từ ngày 07/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; mặt khác, do anh H ham chơi dẫn đến mắc nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị

đã nhiều lần khuyên giải nH anh H không thay đổi. Hiện anh H đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, địa chỉ: Xã Đại Thắng, huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Trương Tấn Th, sinh ngày 28/10/20xx, Trương Nhật M, sinh ngày 20/9/20xx và Trương Đăng Kh, sinh ngày 30/10/20xx. Hiện các con do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cả 03 con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con chị xin tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và biên bản hòa giải ngày 24/01/2025, bị đơn là anh Trương Văn H trình bày:

Về điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng thực tế. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ham chơi, dẫn đến nghiện ma túy, phá tán tài sản của gia đình. Tuy nhiên, hiện tại anh rất ân hận về hành vi của mình, anh mong muốn chị T cho anh thêm một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con như chị T trình bày là đúng. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 03 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; mặt khác, do anh H ham chơi dẫn đến mắc nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên giải nH anh H không thay đổi. Hiện anh H đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, địa chỉ: Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh chị có 03 con chung là Trương Tấn Th, sinh ngày 28/10/20xx, Trương Nhật M, sinh ngày 20/9/20xx và Trương Đăng Kh, sinh ngày 30/10/20xx. Hiện các con đang sống cùng chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong

quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, bị đơn đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không thể tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Trương Văn H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con Trương Tân Th, sinh ngày 28/10/20xx, Trương Nhật M, sinh ngày 20/9/20xx và Trương Đăng Kh, sinh ngày 30/10/20xx. Việc cấp dưỡng cho con anh chị xin tự thỏa thuận, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc ly hôn với anh Trương Văn H, đăng ký thường trú tại thôn N, xã K, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn là anh Trương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, anh H đang phải cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, địa chỉ: Xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng nên không thể tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng từ ngày 07/9/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời khai của chị T và anh H phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; mặt khác, do anh H ham chơi dẫn đến mắc nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên giải anh H không thay đổi, hiện anh H đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, địa chỉ: Xã Đ, huyện T, thành

phố Hải Phòng. Nay, chị T xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị T cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con là Trương Tấn Th, sinh ngày 28/10/20xx, Trương Nhật M, sinh ngày 20/9/20xx và Trương Đăng Kh, sinh ngày 30/10/20xx. Hiện các con do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao cả 03 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con chị xin tự giải quyết với anh H. Xét thấy, yêu cầu của chị T về việc nuôi con sau khi ly hôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con vì hiện anh H đang phải cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 2 nên không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con; mặt khác anh H cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con nếu vợ chồng phải ly hôn. Do đó, cần giao con cả 03 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng cho con, chị T xin tự giải quyết với anh H nên để cho anh chị tự giải quyết với nhau là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị T):

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con là Trương Tấn Th, sinh ngày 28/10/20xx, Trương Nhật M, sinh ngày 20/9/20xx và Trương Đăng Kh, sinh ngày 30/10/20xx. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25/03/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị T đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009154 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND huyện T;
 - Chi cục THADS huyện T;
 - UBND xã K, huyện T
- (ĐKKH năm 2011);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên